

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4086/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê chuẩn Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015; Báo cáo thẩm tra số 21/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015 là 5.000 tỷ đồng (Năm nghìn tỷ đồng). Phân bổ vốn đầu tư từng danh mục dự án, công trình và từng huyện, thị xã, thành phố (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015 theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khoá VIII, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH - HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, CV.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Cảnh

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND8 ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
A	TỔNG SỐ	5,000,000	
I	TỈNH QUẢN LÝ	3,000,000	
a	Chuẩn bị đầu tư	35,500	
	- Trong đó: <i>Vốn Xổ số kiến thiết</i>	9,000	
b	Thực hiện dự án	2,754,500	
1	Hạ tầng kinh tế	1,719,100	
	- Cấp thoát nước - công cộng	475,738	
	- Nông nghiệp - phát triển nông thôn	122,500	
	- Giao thông	1,120,862	
2	Văn hóa xã hội	971,800	
	- Văn hóa thông tin - TDTT - PTTH	208,610	
	- Giáo dục - Y tế:	730,290	
	+ Trong đó: <i>Xổ số kiến thiết</i>	396,000	
	- Chương trình ứng dụng CNTT vào quản lý	32,900	
3	Quản lý nhà nước và quốc phòng - an ninh	63,600	
c	Thanh, quyết toán các công trình hoàn thành có giá trị từ 1.000 triệu đồng trở xuống	10,000	
d	Dự phòng	200,000	
	Trong đó: <i>Vốn xổ số kiến thiết</i>	50,000	
II	HUYỆN - THỊ XÃ - THÀNH PHỐ QUẢN LÝ	2,000,000	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	1,000,000	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	505,000	
	Vốn Xổ số kiến thiết (*)	495,000	
1	Thành phố Thủ Dầu Một	422,953	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	172,953	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	150,000	
	Trong đó:		
	- Đường Trần Văn Ôn - phường Phú Hòa	15,000	
	- Đường Bạch Đằng nối dài - phường Phú Cường	10,000	
	- Đường Lê Chí Dân (đoạn từ Ngã 4 Sở Sao đến Ngã 4 Cây Me)	15,000	
	- Nâng cấp, mở rộng đường Trần Ngọc Lên (đoạn từ Đại lộ Bình Dương đến đường Huỳnh Văn Lũy	10,000	
	- Nhà tang lễ thành phố Thủ Dầu Một - phường Phú Mỹ	10,000	
	- Mở rộng vỉa hè đường Bạch Đằng (đoạn từ Ngã 3 đường Ngô Quyền đến đường Đinh Bộ Lĩnh - phường Phú Cường)	15,000	
	- Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự thành phố Thủ Dầu Một	10,000	
	Vốn Xổ số kiến thiết (*)	100,000	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
2	Thị xã Thuận An	312,108	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	197,108	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	35,000	
	Vốn Xổ số kiến thiết (*)	80,000	
3	Thị xã Dĩ An	324,997	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	196,997	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	48,000	
	Vốn Xổ số kiến thiết (*)	80,000	
4	Thị xã Tân Uyên	164,510	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	64,510	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	50,000	
	Vốn Xổ số kiến thiết (*)	50,000	
5	Huyện Bắc Tân Uyên	153,293	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	70,293	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	48,000	
	Vốn Xổ số kiến thiết (*)	35,000	
6	Thị xã Bến Cát	160,830	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	73,830	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	27,000	
	Vốn Xổ số kiến thiết (*)	60,000	
7	Huyện Bàu Bàng	153,792	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	58,792	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	60,000	
	Vốn Xổ số kiến thiết (*)	35,000	
8	Huyện Phú Giáo	155,050	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	78,050	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	52,000	
	Trong đó:		
	- Đường DH503 đi DH501 và nhánh rẽ Trung tâm cai nghiện	10,000	
	- Bồi thường, giải tỏa khu đất bàn giao cho Trung đoàn 271 thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 7	18,000	
	Vốn Xổ số kiến thiết (*)	25,000	
9	Huyện Dầu Tiếng	152,467	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	87,467	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	35,000	
	Vốn Xổ số kiến thiết (*)	30,000	

Ghi chú:

(*) Có danh mục công trình đã ứng vốn Xổ số kiến thiết năm 2015 kèm theo - Phụ lục VI

Phụ lục II
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2015
CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND8 ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
	TỔNG SỐ	35,500	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ	10,900	
I	CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG CỘNG	4,400	
1	Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An (Cải thiện môi trường nước Nam BD giai đoạn III)	1,000	
2	Dự án đền bù hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	1,000	
3	Mở rộng tuyến ống cấp nước của trạm cấp nước tập trung xã Tân Hiệp	1,000	
4	Tuyến ống dẫn nước từ hồ Phước Hòa về trung tâm đô thị Bình Dương	50	
5	Hệ thống thoát nước dọc tuyến ĐT743b - Từ ngã ba Vườn Tràm (Km0+000) đến khu vực cống ngang ĐT743b	200	
6	Dự án đền bù tuyến ống nước dẫn nước thô hồ Phước Hòa về trung tâm đô thị Bình Dương	50	
7	Nâng cấp phần mềm quản lý trung tâm của hệ thống quan trắc tự động	100	
8	Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên.	1,000	
II	NÔNG NGHIỆP - PTNT	250	
9	Trạm chẩn đoán xét nghiệm và khu cách ly gia súc xã Bình Hòa, huyện Thuận An	50	
10	Xây dựng trại thực nghiệm và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp (Xây dựng trại giống nông nghiệp)	200	
III	GIAO THÔNG	6,250	
11	Nâng cấp, mở rộng ĐT 746 (Km13+795) đến ĐT747 (ngã ba cầu Bạch Đằng)	1,000	
12	Xây dựng mới cầu Châu Văn Tiếp	50	
13	Ngầm hóa và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật tuynel Đại lộ Bình Dương đoạn từ cầu Vĩnh Bình đến ngã tư Gò Cát	50	
14	Ngầm hóa và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật tuynel đường ĐT 743C đoạn từ ngã sáu An Phú đến Miếu Ông Cù	50	
15	Nâng cấp, mở rộng ĐT 748 đoạn từ giáp giao lộ ngã tư Phú Thứ đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước	1,000	
16	Khu tái định cư Phú Chánh	1,000	
17	Xây dựng cầu qua sông Đồng Nai	1,000	
18	Đầu tư xây dựng Cầu vượt đi bộ trên đường ĐT743B (Km1+750) và Đường Độc Lập - Khu Công nghiệp Sóng Thần	200	
19	Xây dựng nút giao thông Đại lộ Bình Dương - VSIP	100	
20	Đê bao Phú Thuận, huyện Bến Cát	100	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
21	Nạo vét gia cố Suối Cái từ thượng nguồn (đầu tuyến) đến sau cầu Thọ Ụt 100m, Bến Cát, Tân Uyên	100	
22	Nạo vét gia cố Suối Cái và các tuyến suối còn lại từ sau cầu Thọ Ụt 100m đến sông Đồng Nai, huyện Tân Uyên.	100	
23	Gia cố, nâng cấp bờ bao các tuyến rạch thuộc hệ thống tiêu nước khu công nghiệp Sóng Thần - Đồng An và vùng phụ cận kết hợp làm đường giao thông nội đồng, thị xã Thuận An.	100	
24	Hệ thống thủy lợi nội đồng An Sơn - Lái Thiêu	100	
25	Hệ thống thoát nước Tân Bình và Suối Cây Trường, thị xã Dĩ An	100	
26	Mở rộng kiên cố hóa Suối Bình Thắng	100	
27	Hệ thống thoát nước suối Cầu Tham Rót, Bình Dương - Bình Phước	100	
28	Hệ thống thoát nước Suối Ông Thanh, Bình Dương - Bình Phước	100	
29	Xây dựng cầu Bình Nhâm 2	100	
30	Đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Bà Lụa đến rạch Bình Nhâm, thị xã Thuận An	100	
31	Đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Lái Thiêu đến khu du lịch Thanh Cảnh, thị xã Thuận An	100	
32	Tuyến đường trục chính Đông Tây: đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp đường Quốc lộ 1K (khoảng 3.640m)	100	
33	Tuyến đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài (tuyến D6) - Đoạn từ ranh cụm công nghiệp Vinatex đến Quốc lộ 1A (khoảng 400m)	100	
34	Tuyến đường vành đai Đông Bắc 2: đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn (khoảng 1.600m)	100	
35	Tuyến đường Bắc Nam 3: đoạn từ đường N10 (sát ranh phía trên khu dân cư Bình Nguyên) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn (khoảng 1.400m)	100	
36	Mở rộng nút giao Sóng Thần và các trục đường đầu nối vào nút giao Sóng Thần	100	
37	Mở rộng đường Quốc lộ 13 (đoạn từ khu vực Trung tâm thương mại Aeon đến ngã tư đường 22/12)	100	
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	18,200	
I	VĂN HÓA THÔNG TIN-TDĐT- PTHH	3,000	
38	Khảo cổ di tích dốc chùa	200	
39	Nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng Bình Dương	200	
40	Xây dựng khu thực nghiệm khoa học và công nghệ thuộc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.	500	
41	Đầu tư tăng cường năng lực kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm thuộc Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng.	500	
42	Xây mới, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục của Thư viện tỉnh	200	
43	Trùng tu, tôn tạo di tích Sở Chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh (giai đoạn 2)	200	
44	Cụm tượng đài Khu Di tích Chiến khu Long Nguyên	200	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
45	Thiết bị chuyên dùng phục vụ tác nghiệp phát thanh truyền hình	500	
46	Trung tâm huấn luyện thể thao Bình Dương	500	
II	GIÁO DỤC - Y TẾ	5,600	
47	Trường Đại học Thủ Dầu Một	2,000	
48	Ký túc xá sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một	1,000	
49	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật công tường rào và công viên cây xanh Trường Đại học Thủ Dầu Một	500	
50	Đầu nối đường dẫn nước thải của Bệnh viện Y học cổ truyền vào hệ thống xử lý nước thải toàn khu cụm y tế.	400	
51	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự địa phương	500	
52	Cải tạo, sửa chữa Khu cấp cứu, Khoa xét nghiệm huyết học, Khoa hóa sinh - Bệnh viện đa khoa tỉnh	500	
53	Trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh	500	
54	Trang thiết bị nhánh C - Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	200	
III	XỔ SỐ KIẾN THIẾT	9,000	
55	Bệnh viện chuyên khoa nhi	3,000	
56	Bệnh viện chuyên khoa Ung bướu	3,000	
57	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện đa khoa 1500 giường và Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	1,000	
58	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	1,000	
59	Khối Kỹ thuật trung tâm và Nhà quản thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện đa khoa 1500 giường và Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	1,000	
IV	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	600	
60	Dự án xây dựng các phần mềm quản lý chuyên ngành của Sở Kế hoạch và Đầu tư	200	
61	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý Hộ tịch tại Sở Tư pháp	200	
62	Xây dựng văn phòng điện tử tại Công an tỉnh và công an các huyện thị	200	
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - QPAN	6,400	
I	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	500	
63	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh	500	
II	AN NINH	2,900	
64	Nhà khách Công an tỉnh	400	
65	Trụ sở làm việc Công An huyện Bắc Tân Uyên	400	
66	Cơ sở làm việc Công an các phường trên địa bàn tỉnh Bình Dương - Giai đoạn 2: Công an các phường thuộc Công an TP. Thủ Dầu Một, thị xã Tân Uyên và thị xã Bến Cát.	400	
67	Trạm kiểm soát Giao thông Quốc lộ 13	200	
68	Trường bắn súng ngắn kết hợp Hội trường 500 chỗ	400	
69	Xây dựng nâng cấp Trụ sở chính Công an Bình Dương	400	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
70	Cơ sở vật chất cho Đội Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tại Khu đô thị mới Bình Dương.	200	
71	Xây dựng, nâng cấp và mở rộng Trại giam nhà tạm giữ Công an các huyện, thị xã, thành phố thuộc công an tỉnh Bình Dương (Giai đoạn 1 gồm các nhà tạm giữ TDM, Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên, Bến Cát).	500	
III	QUỐC PHÒNG	3,000	
72	Xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc Phòng-An ninh	1,000	
73	Đề án quy hoạch và xây dựng căn cứ hậu cần kỹ thuật khu vực phòng thủ Bình Dương	500	
74	Doanh trại cho các Đại đội và nhà ăn 200 chỗ của Tiểu đoàn đặc công 60	1,000	
75	Xây dựng doanh trại Đại đội Trinh sát	500	

Phụ lục III
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2015
THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND8 ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
	TỔNG SỐ	2,754,500	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ	1,719,100	
I	CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG CỘNG	475,738	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>	<i>26,238</i>	
1	Dự án Khu liên hợp xử lý rác thải Nam Bình Dương	9,500	
2	Dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương	8,800	
3	Nhà máy nước Tân Hiệp	6,200	
4	Dự án đầu tư hệ thống quan trắc động thái nước dưới đất	404	
5	Dự án đầu tư hệ thống quan trắc tự động nước mặt	1,334	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>360,400</i>	
6	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp (Hệ thống thoát nước Dĩ An)	30,000	
7	Hệ thống thoát nước bên ngoài hàng rào các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	20,000	
8	Nạo vét suối chợ Tân Phước Khánh	50,000	
9	Xây dựng và cải tạo kênh Ba Bò đoạn thuộc địa phận tỉnh Bình Dương (Đầu tư xây dựng và cải tạo kênh Ba Bò)	80,000	
10	Dự án đầu tư các trạm quan trắc nước thải tự động cho các khu công nghiệp và các nguồn thải lớn trên địa bàn tỉnh Bình Dương - GD II	19,000	
11	Dự án cấp nước tập trung xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng	6,000	
12	Cấp nước Khu đô thị công nghiệp Mỹ Phước thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị Việt Nam. (Trong đó vốn ODA 8.000 triệu đồng).	18,000	
13	Khu tái định cư Phú Hòa	15,000	
14	Đắp tôn cao mặt đê bao áp Mỹ Hào 2, xã Chánh Mỹ, TP.Thủ Dầu Một	3,600	
15	Đắp tôn cao mặt đê bao Tân An	3,800	
16	Trục thoát nước Bung Biệp-Suối Cát	25,000	
17	Dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II (Trong đó vốn ODA 30.000 triệu đồng).	80,000	
18	Mở rộng nhà máy xử lý chất thải Nam Bình Dương	10,000	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>89,100</i>	
19	Đấu nổi thoát nước cho KCN An Tây	6,000	
20	Xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương giai đoạn II và xử lý nước thải sinh hoạt khu vực lân cận	1,000	
21	Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng	10,000	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
22	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một	30,000	
23	Hệ thống thoát nước giải quyết ngập úng vào mùa mưa tại các điểm dân cư dọc hai bên đường ĐT741	16,000	
24	Hệ thống thoát nước suối Lò Ô	6,000	
25	Dự án cấp nước tập trung xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng	20,100	
II	NÔNG NGHIỆP - PTNT	122,500	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>72,500</i>	
26	Xây dựng cơ sở hạ tầng trang trại Đội thanh niên xung phong tỉnh Bình Dương	2,500	
27	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đồn	70,000	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>50,000</i>	
28	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên	30,000	
29	Nạo vét suối Đồng Sở	6,000	
30	Nạo vét gia cố suối Bưng Cù	7,000	
31	Nạo vét gia cố suối Bến Mít và suối Bà Tánh	7,000	
III	GIAO THÔNG	1,120,862	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>	<i>18,280</i>	
32	Đường Nguyễn Chí Thanh (ngã ba Suối Giữa - cầu Ông Cộ)	3,960	
33	Nâng cấp, mở rộng đường vào ấp Suối Con	2,225	
34	Xây dựng mới cầu Bà Lụa	375	
35	Đường ĐT 744 đoạn từ cầu Ông Cộ đến Km12+000	1,500	
36	Nâng cấp, láng nhựa đường ĐT749A từ ngã ba Minh Tân đến ngã ba Minh Thạnh	10,220	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>972,302</i>	
37	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình làm mới đường ĐT746 nối dài đoạn từ dốc Cây Quéo đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cống Xanh	80,000	
38	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747b đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cống Xanh	100,000	
39	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 đoạn từ cầu Tân Khánh đến dốc Cây Quéo	7,000	
40	Dự án đèn bù đường Mỹ Phước - Tân Vạn	27,750	
41	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn, đoạn từ rạch Bình Nhâm đến đường Châu Văn Tiếp, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	20,000	
42	Đường ĐT 744 đoạn từ Km12+000 đến Km 32+000	71,000	
43	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên	55,000	
44	Đường vào Trung tâm Chính trị - Hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	300,000	
45	Nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	28,000	
46	Đường Hội Nghĩa - An Tây từ sông Thị Tính đến ĐT748 (Xây dựng mới cầu Thới An qua sông Thị Tính)	6,800	
47	Xây dựng mới cầu Tam Lập	9,652	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
48	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn - Đoạn qua thành phố Thủ Dầu Một (từ ngã ba cây dầu đường Bùi Quốc Khánh - Nguyễn Tri Phương đến cầu Thỏ Ngừ)	25,000	
49	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Cổng Xanh (giáp ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	60,000	
50	Nâng cấp, mở rộng đường Phú An - An Tây, huyện Bến Cát	40,000	
51	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	3,000	
52	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường Đài Liệt sĩ Tân Phước Khánh	40,000	
53	Xây dựng đường nối từ cầu Thới An đến ĐT748	10,000	
54	Xây dựng cầu Bà Cô	10,000	
55	Xây dựng cầu Ông Cộ mới trên ĐT744	79,100	
	Công trình khởi công mới	30,280	
56	Cải tạo nút giao thông ngã tư Sở Sao	10,280	
57	Dự án giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	20,000	
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	971,800	
I	VĂN HÓA THÔNG TIN - TĐTT - PTTT	208,610	
	Thanh toán khối lượng	3,791	
58	Di dời hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ thi công công trình Cổng chào tỉnh Bình Dương	3,791	
	Công trình chuyển tiếp	196,819	
59	Đầu tư thiết bị phòng phân tích kiểm nghiệm thuộc Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ.	1,100	
60	Trang thiết bị Trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ	4,000	
61	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Bình Dương (giai đoạn 2)	4,000	
62	Trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân và lao động trẻ Bình Dương	7,000	
63	Trùng tu, tôn tạo khu di tích lịch sử rừng Kiến An	20,000	
64	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu Đ	28,000	
65	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư liên kế - phường Định Hòa	10,000	
66	Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Dương	5,000	
67	Trùng tu, tôn tạo di tích nhà tù Phú Lợi	6,000	
68	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình trong giai đoạn chờ thực hiện dự án Trường quay - Nhà bá âm	7,000	
69	Cải tạo, sửa chữa, xây mới Trung tâm giới thiệu việc làm Bình Dương	20,000	
70	Trường quay - nhà bá âm FM Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương	15,719	
71	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Bình Dương (cơ sở 1)	4,000	
72	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục Nhà Thiếu nhi Bình Dương	5,000	
73	Khu trung tâm quần thể tượng đài thuộc di tích lịch sử địa đạo Tam Giác Sắt	60,000	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
	Công trình khởi công mới	8,000	
74	Trung tâm Văn hóa thể thao công nhân lao động tỉnh Bình Dương	4,000	
75	Đài truyền thanh huyện Bàu Bàng	4,000	
II	GIÁO DỤC - Y TẾ	334,290	
	Công trình chuyển tiếp	328,290	
76	Dự án các trục kỹ thuật chính thuộc khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình nhà nước - phường Định Hòa	27,000	
77	Đầu tư nghề trọng điểm giai đoạn 2011-2015 - nghề điện dân dụng cấp độ quốc gia - Trường trung cấp nghề tỉnh Bình Dương.	7,000	
78	Thanh toán chi phí đền bù giải tỏa (lần 2) Khu Thương mại - Dịch vụ, Dân cư Định Hòa	200,000	
79	Cải tạo nâng cấp khối hiệu bộ, xây mới khối hội trường, trạm biến áp, nhà xe gắn máy Trường Chính trị	20,000	
80	Cải tạo, sửa chữa khu khám bệnh Bệnh viện đa khoa tỉnh	1,900	
81	Đầu tư trang thiết bị dạy học, bồi dưỡng giáo viên các trường THCS tạo nguồn, trường THPT chuyên Hùng Vương và trường THPT chất lượng cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2015 (Vốn TW: 35 tỷ đồng).	40,000	
82	Đầu tư nghề trọng điểm giai đoạn 2011-2015 - nghề nguội sửa chữa máy công cụ cấp độ quốc gia - Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	2,000	
83	Xưởng thực hành Trường trung cấp nghề Việt Hàn Bình Dương	14,000	
84	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Bệnh viện chuyên khoa Lao, Tâm thần và khu tái định cư	8,000	
85	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Bệnh viện đa khoa tỉnh	8,000	
86	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng bệnh viện chuyên khoa Lao, Tâm thần và khu tái định cư	390	
	Công trình khởi công mới	6,000	
87	Mua sắm trang bị máy móc thiết bị cho phòng labo xét nghiệm Huyết học và Hóa sinh - Bệnh viện đa khoa tỉnh	6,000	
III	XỔ SỐ KIẾN THIẾT	396,000	
	Công trình chuyển tiếp	476,000	
88	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản Bình Dương	2,000	
89	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương	45,000	
90	Bệnh viện chuyên khoa Tâm thần tỉnh Bình Dương.	26,500	
91	Bệnh viện đa khoa 1500 giường (Trong đó: 100.000 triệu đồng vốn cân đối NS tỉnh)	300,000	
92	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	44,271	
93	Ký túc xá, nhà ăn, nhà bếp Trường THPT chuyên Hùng Vương	15,000	
94	Trường Cao đẳng y dược tỉnh Bình Dương	43,229	
	Công trình khởi công mới	20,000	
95	Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng tỉnh	10,000	
96	Khu điều trị 300 giường (Khoa Sản) thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh	10,000	
IV	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	32,900	
	Công trình chuyển tiếp	22,200	
97	Ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở Lao động Thương binh và Xã hội giai đoạn 2011-2013 (Sở Lao động Thương binh và Xã hội)	1,200	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Ghi chú
98	Xây dựng cơ sở dữ liệu dân cư tỉnh Bình Dương	6,000	
99	Trang bị hệ thống vô tuyến Trunking - Công an tỉnh	5,000	
100	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương	10,000	
	Công trình khởi công mới	10,700	
101	Đầu tư trang thiết bị phục vụ Báo Bình Dương điện tử giai đoạn 2	2,000	
102	Ứng dụng công nghệ thông tin tại Khu hành chính mở tỉnh Bình Dương	8,000	
103	Ứng dụng công nghệ thông tin tại Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh Bình Dương	700	
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - QPAN	63,600	
I	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	200	
	Công trình chuyển tiếp	200	
104	Sửa chữa Trụ sở Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương	200	
II	QUỐC PHÒNG - AN NINH	63,400	
	AN NINH	37,400	
	Công trình khởi công mới	37,400	
105	Cơ sở làm việc Công an các phường trên địa bàn tỉnh Bình Dương - Giai đoạn 1: Công an các phường thuộc Công an Thị xã Thuận An.	10,000	
106	Cơ sở làm việc Công an huyện Bàu Bàng thuộc Công an tỉnh Bình Dương.	6,300	
107	Mua sắm xe thang 62m cứu hộ và chữa cháy nhà cao tầng	8,700	
108	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác của Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương.	12,400	
	QUỐC PHÒNG	26,000	
	Công trình chuyển tiếp	2,000	
109	Xây dựng doanh trại, trận địa d168/e276/f367/QCPKKQ	2,000	
	Công trình khởi công mới	24,000	
110	Trung tâm điều hành, chỉ huy tình trạng khẩn cấp về Quốc phòng tỉnh Bình Dương	15,000	
111	Xây dựng hồ bơi và câu lạc bộ quân nhân của Lữ đoàn 429-Bộ Tư lệnh Đặc công	9,000	

Phụ lục IV
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2015
VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND8 ngày 10 tháng 12 năm 2014
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)*

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Vốn ODA	
	TỔNG SỐ	98,000	38,000	
1	Dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	80,000	30,000	
2	Cấp nước Khu đô thị công nghiệp Mỹ Phước thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị Việt Nam	18,000	8,000	

Phụ lục V
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2015
VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND8 ngày 10 tháng 12 năm 2014
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)*

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2015		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Vốn TW bổ sung	
	TỔNG SỐ	40,000	35,000	
1	Đầu tư trang thiết bị dạy học, bồi dưỡng giáo viên các trường THCS tạo nguồn, trường THPT chuyên Hùng Vương và trường THPT chất lượng cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2015	40,000	35,000	

Phụ lục VI
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ ỨNG VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2015
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND8 ngày 10 tháng 12 năm 2014
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Ứng vốn KH năm 2015	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	50,000	
I	TP THỦ DẦU MỘT	5,000	
1	Trường Tiểu học Phú Lợi	750	
2	Trường Tiểu học Phú Hòa 3	4,250	
II	THỊ XÃ THUẬN AN	5,000	
3	Trường Mẫu giáo Hoa Cúc 9	1,150	
4	Trường THCS Trịnh Hoài Đức (giai đoạn 2)	3,850	
III	THỊ XÃ DĨ AN	17,000	
5	Trường Tiểu học An Bình	500	
6	Trường Tiểu học Bình An (cơ sở Bình Thung)	1,300	
7	Trường Tiểu học Tân Bình	1,500	
8	Trường Tiểu Học Đông Chiêu	2,500	
9	Trường Tiểu học Thống Nhất	1,500	
10	Trường THCS Đông Hòa	850	
11	Trường THCS Tân Bình	2,841	
12	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	1,310	
13	Trường THPT Bình An	1,200	
14	Trường Mẫu giáo Thống Nhất	1,500	
15	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	2,000	
V	HUYỆN BÀU BÀNG	11,500	
16	Trường TH Cây Trường	3,500	
17	Trường THPT Bàu Bàng	3,500	
18	Trường THCS Quang Trung	2,500	
19	Trường TH Long Nguyên	2,000	
VI	THỊ XÃ TÂN UYÊN	5,000	
20	TTKL trường Tiểu học Đất Cuốc	500	
21	Trường Tiểu học Phú Chánh	4,500	
VIII	HUYỆN DẦU TIẾNG	2,500	
22	Trường Tiểu học Bến Súc	1,000	
23	Trường Mầm non Thanh An	1,500	
IX	HUYỆN PHÚ GIÁO	4,000	
24	Trường THCS bán trú Phước Hòa	2,000	
25	Trường Mầm non Tân Long	2,000	